Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 224 /QĐ-THADS	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Thanh Hóa, ngày 11 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-CQLTHADS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ công văn số 913/CQLTHADS-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc thông báo chi tiết nội dung giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng HCSN- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng HCSN và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:	**KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
- Như Điều 3;	**P.TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
- Lưu: VT, TCKT.	
	Đinh Văn Thắng

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1119/CTHADS-TCKT	*Thanh Hóa, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

Kính gửi: **Cục Quản lý Thi hành án dân sự**

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-CQLTHADS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự tỉnh về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa báo cáo tình hình thực hiện công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC. Chi tiết theo biểu sau:

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
1	THADS tỉnh Thanh Hóa	X		X		X	

Trên đây là báo cáo công khai giao khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

KT.THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
P.THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đinh Văn Thắng

BỘ TƯ PHÁP **CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 234/QĐ-CQLTHADS	*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-BTP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Công văn số 7499/BTP-KHTC ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp số 2678/QĐ-BTP ngày 25/8/2025 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và 2696/QĐ-BTP ngày 27/8/2025 về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-TCTHADS, 1842/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (nay là Cục Quản lý Thi hành án dân sự) về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch – Tài chính, Cục Quản lý Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

BỘ TƯ PHÁP
CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Trần Thị Phương Hoa

BỘ TƯ PHÁP
CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-CQLTHADS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Mã số : 1054196

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	**50.885.434.288**
1	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 12)	-990.000.000
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 23)	51.875.434.288
I	**Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)**	**50.885.434.288**
1	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 12)(1)	-990.000.000
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 23)(2)	51.875.434.288
II	**Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)**	**0**
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0

(1) Kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án
(2) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ

BỘ TƯ PHÁP **CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 913/CQLTHADS-KHTC V/v thông báo chi tiết nội dung giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025	*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH THANH HÓA
ĐẾN Số: 141
Ngày: 04/9/2025
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

Kính gửi:

- Văn phòng Cục Quản lý Thi hành án dân sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh/thành phố.

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-BTP ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Công văn số 7498/BTP-KHTC ngày 30/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2678/QĐ-BTP ngày 25/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2696/QĐ-BTP ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-CQLTHADS ngày 29/8/2025 của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Cục Thi hành án dân sự (THADS) thông báo chi tiết nội dung giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho đơn vị như sau:

I. Dự toán giao điều chỉnh, bổ sung

Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025) của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều chỉnh giảm kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án (kinh phí quản lý hành chính nhà nước, loại 340-341, giao không thực hiện tự chủ, mã nguồn 12).

II. Một số điểm lưu ý

1. Tổ chức thực hiện

Việc quản lý, thanh toán, quyết toán số kinh phí được giao bổ sung trên đảm bảo triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ, chính sách và quy định của pháp luật.

2. Công khai phân bổ dự toán ngân sách

Đơn vị thực hiện nghiêm túc việc công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách năm 2025 theo đúng nội dung, hình thức và thời gian quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

Trên đây là thông báo chi tiết nội dung giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Cục Quản lý THADS thông báo cho đơn vị biết và tổ chức, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Mai Lương Khôi (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục KHTC, BTP (để ph/h);
- Ban TCCB, CQLTHADS (để t/h);
- Lưu: VT, Ban KHTC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Trần Thị Phương Hoa

BỘ TƯ PHÁP
CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CBVC, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CHO CÔNG CHỨC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 913/CQLTHADS-KHTC ngày 29/8/2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự)

Đơn vị: đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, chức danh		Thời điểm nghỉ hưu để thực hiện chính sách, chế độ	Số năm số tháng nghỉ hưu TRƯỚC TUỔI theo quy định của Bộ luật Lao	Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135	Tuổi khi nghỉ hưu sớm để hưởng chế độ	Kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ (đồng)				Lý do cho nghỉ (có đơn tự nguyện, đánh giá không đáp ứng...)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Chức vụ (nếu có)	Chức danh (CHVTC,CHVSC, TKTHA, TTV, Kế toán viên,...)					Trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH (từ 15 năm trở lên)	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	Tổng cộng		
33	**THADS TỈNH THANH HÓA**									**30.186.735.466**	**7.462.219.610**	**14.226.479.210**	**51.875.434.288**		
1	Hoàng Văn Truyền	29/08/1966		Cục trưởng	CHVCC	1/7/2025	03 năm 02 tháng		58 tuổi 10 tháng	1.200.153.240	489.536.190	552.702.150	2.242.391.580	có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi	Quyết định số 1965/QĐ-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2025
2	Tào Thị Khánh		23/12/1971	Trưởng phòng	Kế toán viên chính	1/7/2025	04 năm 06 tháng	58 tuổi	53 tuổi 06 tháng	1.032.993.000	229.554.000	430.413.750	1.692.960.750	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
3	Lê Văn Khoa	27/02/1968		Chi cục trưởng	CHVTC	1/7/2025	04 năm 08 tháng	62 tuổi	57 tuổi 04 tháng	1.257.669.504	258.271.416	561.459.600	2.077.400.520	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
4	Lê Xuân Tần	02/09/1969		Q.Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	06 năm 03 tháng	62 tuổi	55 tuổi 09 tháng	1.119.296.880	217.641.060	538.920.720	1.875.858.660	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
5	Tào Văn Trung	19/05/1967		Phó Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	03 năm 11 tháng	62 tuổi	58 tuổi 01 tháng	1.058.584.760	366.000.050	450.461.600	1.875.046.410	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
6	Đỗ Thị Nhung		25/05/1974		Kế toán viên	1/7/2025	08 năm 03 tháng	59 tuổi 4 tháng	51 tuổi 01 tháng	734.467.500	170.015.625	462.442.500	1.366.925.625	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
7	Hoàng Minh Tâm	10/02/1966		Chi cục trưởng	CHVTC	1/7/2025	02 năm 05 tháng	61 tuổi 09 tháng	59 tuổi 04 tháng	747.952.920	438.455.160	322.393.500	1.508.801.580	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
8	Nguyễn Thị Minh		01/06/1974		Kế toán viên	1/7/2025	08 năm 04 tháng	59 tuổi 04 tháng	51 tuổi 0 tháng	786.591.000	174.798.000	495.261.000	1.456.650.000	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
9	Lê Quốc Hưng	07/05/1965		Chi cục trưởng	CHVTC	1/7/2025	01 năm 05 tháng	61 tuổi 06 tháng	60 tuổi 01 tháng	435.789.900	0	0	435.789.900	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
10	Trần Thị Thanh Tâm		30/10/1971	Phó Chi cục trưởng	CHVTC	1/7/2025	04 năm 04 tháng	58 tuổi	53 tuổi 08 tháng	1.136.442.528	273.183.300	491.729.940	1.901.355.768	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
11	Lê Thị Nam		10/09/1971	Phó Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	04 năm 03 tháng	58 tuổi	53 năm 9 tháng	1.078.642.656	253.798.272	475.871.760	1.808.312.688	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
12	Phạm Văn Trung	12/09/1969		Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	06 năm 03 tháng	62 tuổi	55 tuổi 09 tháng	1.197.943.344	277.301.700	576.787.536	2.052.032.580	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
13	Lê Thị Hồng Tú		06/11/1972		Kế toán viên	1/7/2025	06 năm 01 tháng	58 tuổi 08 tháng	52 năm 7 tháng	786.591.000	174.798.000	378.729.000	1.340.118.000	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
14	Lê Thị Ngọc		25/01/1972	Phó Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	04 năm 11 tháng	58 tuổi 04 tháng	53 tuổi 05 tháng	1.258.320.258	266.593.275	533.186.550	2.058.100.083	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
15	Thiều Đức Thuận	15/01/1969		Phó Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	05 năm 07 tháng	62 tuổi	56 năm 5 tháng	1.216.246.320	320.953.890	540.553.920	2.077.754.130	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
16	Lê Thanh Triều	14/08/1970		Phó Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	07 năm 02 tháng	62 tuổi	54 tuổi 10 tháng	1.080.378.000	215.075.250	600.210.000	1.895.663.250	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025

BỘ TƯ PHÁP
CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CHO CÔNG CHỨC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 913/CQLTHADS-KHTC ngày 29/8/2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự)

Đơn vị: đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, chức danh		Thời điểm nghỉ hưu để thực hiện chính sách, chế độ	Số năm số tháng nghỉ hưu TRƯỚC TUỔI theo quy định của Bộ luật Lao	Tuổi nghỉ hưu theo NĐ 135	Tuổi khi nghỉ hưu sớm để hưởng chế độ	Kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ (đồng)				Lý do cho nghỉ (có đơn tự nguyện, đánh giá không đáp ứng...)	Ghi chú
		Nam	Nữ	Chức vụ (nếu có)	Chức danh (CHVTC,CHVSC, TKTHA, TTV, Kế toán viên,...)					Trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH (từ 15 năm trở lên)	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm	Tổng cộng		
17	Nguyễn Trọng Hải	22/09/1967		Phó Chi cục trưởng	CHVSC	1/7/2025	04 năm 03 tháng	62 tuổi	57 năm 9 tháng	1.125.865.494	264.909.528	496.705.365	1.887.480.387	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
18	Lê Thị Thanh		15/05/1974		Kế toán viên	1/7/2025	08 năm 03 tháng	59 tuổi 4 tháng	51 năm 01 tháng	674.446.500	128.019.938	424.651.500	1.227.117.938	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
19	Lê Thị Hà		05/06/1973	Phó Chi cục trưởng	CHVTC	1/7/2025	07 năm 0 tháng	59 tuổi	52 tuổi	1.138.983.768	253.107.504	590.584.176	1.982.675.448	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
20	Nguyễn Văn Đồng	18/10/1967		Phó Chi cục trưởng	CHVTC	1/8/2025	04 năm 03 tháng	62 tuổi	57 năm 9 tháng	1.062.746.568	135.448.092	468.858.780	1.667.053.440	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
21	Mai Thị Vân		08/01/1973		Kế toán viên	1/7/2025	06 năm 03 tháng	58 tuổi 8 tháng	52 năm 5 tháng	786.591.000	167.514.750	378.729.000	1.332.834.750	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
22	Lê Như Bằng	12/10/1972		Chi cục trưởng	CHVSC	1/9/2025	09 năm 02 tháng	62 tuổi	52 năm 10 tháng	1.245.136.266	288.225.988	876.207.002	2.409.569.256	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
23	Nguyễn Hữu Cảnh	10/10/1966			Công chức lái xe	1/7/2025	03 năm 04 tháng	62 tuổi	58 tuổi 08 tháng	523.376.120	157.012.836	228.977.053	909.366.009	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
24	Nguyễn Thị Ánh		18/10/1974		Thư ký trung cấp THA	1/7/2025	09 năm 0 tháng	59 tuổi 08 tháng	50 tuổi 08 tháng	867.314.304	164.629.104	578.209.536	1.610.152.944	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
25	Trịnh Sơn Hà	30/10/1967			CHVSC	1/7/2025	04 năm 04 tháng	62 tuổi	57 tuổi 08 tháng	1.136.914.168	360.751.611	491.934.015	1.989.599.794	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
26	Lê Thị Diệu		07/10/1970		CHVSC	1/7/2025	03 năm 0 tháng	57 tuổi 08 tháng	54 tuổi 08 tháng	704.785.536	234.928.512	293.660.640	1.233.374.688	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
27	Bùi Thị Quyến		04/11/1971		CHVSC	1/7/2025	04 năm 05 tháng	58 tuổi	53 tuổi 07 tháng	1.037.600.928	234.928.512	440.490.960	1.713.020.400	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
28	Lê Duy Quang	19/05/1967			CHVSC	1/7/2025	03 năm 11 tháng	62 tuổi	58 tuổi 01 tháng	984.546.224	319.453.828	418.955.840	1.722.955.892	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
29	Cao Thị Thanh		24/03/1969		Thư ký THA	1/7/2025	05 tháng	56 tuổi 08 tháng	56 tuổi 03 tháng	90.312.300	0	0	90.312.300	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
30	Lý Thị Tâm		16/08/1971		CHVSC	1/7/2025	04 năm 02 tháng	58 tuổi	53 tuổi 10 tháng	978.868.800	234.928.512	440.490.960	1.654.288.272	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
31	Lâu Văn Ly	15/09/1964			CHVSC	1/7/2025	06 tháng	61 tuổi 03 tháng	60 tuổi 09 tháng	109.680.480	0	0	109.680.480	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
32	Trần Thị Tâm		26/02/1971		Thẩm tra viên	1/7/2025	03 năm 04 tháng	57 tuổi 8 tháng	54 năm 4 tháng	807.566.760	242.270.028	353.310.458	1.403.147.246	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025
33	Lê Thị Nga Hương		19/06/1971		Thẩm tra viên	1/8/2025	3 năm 11 tháng	58 tuổi	54 năm 01 tháng	783.937.440	150.115.680	333.590.400	1.267.643.520	Có đơn tự nguyện	Quyết định số 719/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2025

BỘ TƯ PHÁP
CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-CQLTHADS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

Mã số : 1054196

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	**50.885.434.288**
1	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 12)	-990.000.000
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 23)	51.875.434.288
I	**Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)**	**50.885.434.288**
1	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 12)(1)	-990.000.000
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính (nguồn 23)(2)	51.875.434.288
II	**Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)**	**0**
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0

(1) Kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án
(2) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ